



hé gù

何故

adverb · why; for what reason

Example Sentences

Nǐ hé gù chí dào

你何故迟到？

Why are you late?

Tā hé gù tū rán cí zhí méi rén zhī dào yuán yīn

他何故突然辞职，没人知道原因。

Why he suddenly resigned, no one knows the reason.

Hé gù rú cǐ cōng máng lián zhāo hu dōu bù dǎ yī shēng

何故如此匆忙，连招呼都不打一声？

Why are you in such a hurry that you didn't even say hello?

Trace each character, then write the word on your own.

何 何 何 何 何 何 何 何 何 何

故 故 故 故 故 故 故 故 故 故 故

故